

Nguồn Gốc Xuất Xứ

4.1 CHỦ ĐỀN ĐỊA LÝ

Định nghĩa về Chủ đền Địa lý

Khái niệm “chủ đền địa lý” theo Luật SHTT trí tuệ 50/2005 đã thay thế cho cự khái niệm “chủ đền địa lý” được quy định trong Nghị định 54 và “tên gọi xuất xứ hàng hoá” được sử dụng trước đó trong Bộ luật Dân sự 1996 và Nghị định 63 của Chính phủ. Theo Luật SHTT, “chủ đền địa lý” được định nghĩa là “đồu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể”. Khái niệm này, trong một chừng mực nhất định, được định nghĩa rộng hơn đồ bao gồm cả hai khái niệm “chủ đền địa lý” và “tên gọi xuất xứ hàng hoá” được quy định trước đó.

Điều kiện bảo hộ

Chủ đền địa lý được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Sản phẩm mang chủ đền địa lý có nguồn gốc địa lý từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chủ đền địa lý.
- Sản phẩm mang chủ đền địa lý có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý của khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chủ đền địa lý đó quyết định.

Danh tiếng của sản phẩm mang chủ đền địa lý được xác định bằng mức độ tín nhiệm của người tiêu dùng đối với sản phẩm đó thông qua mức độ rộng rãi người tiêu dùng biết đến và chọn lựa sản phẩm đó.

Chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chủ đền địa lý được xác định bằng một hoặc một số chỉ tiêu định tính, định lượng hoặc cung quan về vật lý, hóa học, vi sinh và các chỉ tiêu đó phải có khả năng kiểm tra được bằng phương tiện kỹ thuật hoặc chuyên gia với phương pháp kiểm tra phù hợp.

Các điều kiện địa lý liên quan đến chung dồn địa lý là những yếu tố tự nhiên, yếu tố vĩnh con người quyết định danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chung dồn địa lý đó.

Yếu tố tự nhiên bao gồm yếu tố khí hậu, thuỷ văn, địa chất, địa hình, hệ sinh thái và các điều kiện tự nhiên khác.

Yếu tố vĩnh con người bao gồm kỹ năng, kỹ xảo của người sản xuất, quy trình sản xuất truyềng thông của địa phương.

Trường hợp loại trừ

Đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa chung dồn địa lý

- (i) Tên gọi, chung dồn đã trở thành tên gọi chung hàng hoá Việt Nam;
- (ii) Chung dồn địa lý của nước ngoài mà tại nước đó chung dồn địa lý không được bảo hộ, đã bị chấm dứt bảo hộ hoặc không còn được sử dụng;
- (iii) Chung dồn địa lý trùng hoặc tương tự với một nhãn hiệu đang được bảo hộ, nếu việc sử dụng chung dồn địa lý đó được thực hiện thì sẽ gây nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm;
- (iv) Chung dồn địa lý gây hiểu sai lệch cho người tiêu dùng về nguồn gốc địa lý thực của sản phẩm mang chung dồn địa lý đó..

Chỉ độ bảo hộ

Chung dồn địa lý không những được bảo hộ theo một hệ thống riêng về các thủ tục đăng ký quyền sử hữu mà còn được bảo hộ bởi các công cụ pháp lý khác như đăng ký nhãn hiệu chứng nhận/ nhãn hiệu tập thể và Luật chống cạnh tranh không lành mạnh. Đặc biệt, Luật SHTT quy định rằng một nhãn hiệu sẽ bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nó là dấu hiệu chung dồn nguồn gốc địa lý của hàng hóa hoặc dịch vụ và sẽ không được đăng ký, ngược lại, nhãn hiệu đó sẽ được đăng ký là nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận.Thêm vào đó, Luật SHTT cũng quy định rằng việc sử dụng các chung dồn thương mại (bao gồm nhãn hiệu, tên thương mại, biển hiệu kinh doanh, khung hiệu kinh doanh, chung dồn địa lý, biển dáng bao bì, biển dáng nhãn ...) gây nhầm

l^un v^o ch^u th^u kinh doanh, hoạt động kinh doanh hay ngu^on g^oc thương mại c^oa hàng hoá và dịch vụ hoặc ngu^on g^oc, phương thức s^on xu^ot, đặc điểm, ch^ut lượng, s^o lượng hoặc các đặc tính khác c^oa hàng hoá hoặc s^on ph^om s^ebị coi là hành động cạnh tranh không lành mạnh.

Người nộp đơn và Cơ quan đăng ký ch^u d^on địa lý

Quy^on đăng ký ch^u d^on địa lý thuộc v^o Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, Nhà nước cho phép t^u chức, cá nhân s^on xu^ot s^on ph^om mang ch^u d^on địa lý, t^u chức tập th^u đại diện cho các t^u chức, cá nhân đó hoặc cơ quan qu^on lý hành chính địa phương nơi có ch^u d^on địa lý thực hiện quy^on đăng ký ch^u d^on địa lý. Người thực hiện quy^on đăng ký ch^u d^on địa lý không tr^o thành ch^u s^o hữu ch^u d^on địa lý đó.

Đơn đăng ký b^o hộ ch^u d^on địa lý có th^u được nộp tại Cục s^o hữu trí tuệ tại Hà nội và chi nhánh c^oa NOIP tại thành ph^o H^o Chí Minh và Đà N^ong.

Đơn đăng ký ch^u d^on địa lý

M^ui đơn đăng ký ch^u d^on địa lý ch^u có th^u được nộp cho một s^on ph^om.

Đơn đăng ký ch^u d^on địa lý s^e qua hai bước xét nghiệm. Xét nghiệm hình thức s^e được thực hiện trong vòng 1 tháng k^o từ ngày nộp đơn và xét nghiệm nội dung s^e là 6 tháng k^o từ ngày thông báo ch^op nhận đơn. Đơn đăng ký ch^u d^on địa lý sau khi được ch^op nhận là đơn hợp lệ s^e được công b^o trên công báo S^o hữu trí tuệ đ^o ph^on đ^oi.

Đ^oi với các tài liệu/ thông tin được yêu c^ou đ^o nộp đăng ký b^o hộ ch^u d^on địa lý tại Việt Nam xem hướng d^on Yêu c^ou nộp đơn tại Việt Nam.

Thời hạn b^o hộ

Gi^oy chứng nhận đăng ký b^o hộ ch^u d^on địa lý s^e có hiệu lực k^o từ ngày c^op.

Huỷ bô và làm mất hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký bảo hộ chén nguyen goc

Chứng nhận đăng ký bảo hộ chén địa lý có thể bị huỷ bô theo yêu cầu của bên thứ 3 trong các trường hợp sau:(i) Đơn đăng ký bảo hộ không có quyển đăng ký; hoặc
(ii) Chén địa lý trong đơn đăng ký không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ theo quy định

Hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký bảo hộ chén địa lý có thể bị huỷ bô do các điều kiện địa lý có liên quan đến danh tiếng, chất lượng hoặc các đặc tính của sản phẩm mang chén địa lý đã thay đổi đến làm mất danh tiếng, chất lượng hoặc các đặc tính của sản phẩm.

Xâm phạm chén địa lý

Các hành vi sau đây sẽ bị coi là hành vi xâm phạm quyền đối với chén địa lý đã được bảo hộ

- (a) Sử dụng chén địa lý đã được bảo hộ cho các sản phẩm không đáp ứng được các đặc tính và chất lượng riêng biệt của sản phẩm mang chén địa lý mặc dù các sản phẩm đó có nguồn gốc từ khu vực địa lý mang chén địa lý đó;
- (b) Sử dụng chén địa lý đã được bảo hộ cho các sản phẩm tương tự với sản phẩm mang chén địa lý vì mục đích lợi dụng danh tiếng và uy tín của sản phẩm mang chén địa lý đó;
- (c) Sử dụng dấu hiệu giống hoặc tương tự với chén địa lý đã được bảo hộ cho các sản phẩm không có nguồn gốc từ khu vực địa lý mang chén địa lý đó, vì vậy khiền cho khách hàng lầm tưởng rằng các sản phẩm đó có nguồn gốc từ khu vực địa lý đó;
- (d) Sử dụng chén địa lý đã được bảo hộ cho các loại rượu hoặc rượu mạnh mà không có nguồn gốc từ các vùng lãnh thổ mang chén địa lý, thậm chí nơi mà nguồn gốc thực sự của hàng hóa được chén hay chén địa lý được sử dụng dưới dạng dịch hay phiên âm hoặc đi kèm bởi các từ như “loại”, “kiểu”, “phong cách”, “mô phỏng” hoặc tương tự như vậy.

4.2 THIẾT KẾ BỘ TRÍ MẠCH TÍCH HỢP BÁN DỆN

Định nghĩa thiết kế bút trí mạch tích hợp bán dẫn.

Thiết kế bút trí mạch tích hợp bán dẫn (dưới đây còn được gọi là “Thiết kế bút trí”) được định nghĩa “là cấu trúc không gian của các phồn tíc mạch và các mồi liên kết được gắn liền bên trong mạch tích hợp bán dẫn”, trong đó mạch tích hợp bán dẫn là sản phẩm dưới dạng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phồn tíc với ít nhất một phồn tíc tích cực và một sò hoặc tất cả các mồi liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tem vật liệu bán dẫn nhằm thực hiện chức năng điện tử. Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử.

Điều kiện bảo hộ

Thiết kế bút trí có thể được bảo hộ nếu nó có tính nguyên gốc và tính mới thương mại. Các điều kiện này được quy định cụ thể như sau:

Tính nguyên gốc

Một thiết kế bút trí sẽ được coi là có tính nguyên gốc nếu nó là kết quả từ sự nỗ lực sáng tạo của tác giả và chưa được những người sáng tạo thiết kế hay các công ty sản xuất mạch tích hợp bán dẫn biết đến một cách rộng rãi tại thời điểm tạo ra thiết kế bút trí đó. Bên cạnh đó thiết kế bút trí là sự kết hợp các phồn tíc, các mồi liên kết thông thường chung được coi là có tính nguyên gốc nếu toàn bộ sự kết hợp đó có tính nguyên gốc theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Tính mới thương mại

Thiết kế bút trí được coi là có tính mới thương mại nếu chưa được khai thác thương mại tại bất kỳ nơi nào trên thế giới trước ngày nộp đơn đăng ký.

Thiết kế bút trí không bị coi là mất tính mới thương mại nếu đơn đăng ký thiết kế bút trí được nộp trong thời hạn hai năm kể từ ngày thiết kế bút trí đó đã được người có quyền đăng ký quy định tại Điều 86 của Luật này hoặc người được người đó cho

phép khai thác nhằm mục đích thương mại l^{on} đ^{uu} tiên tại b^{ot} kỳ nơi nào trên th^ế giới.

Khai thác thi^t k^o b^o trí nhằm mục đích thương là hành vi phân ph^{oi} công khai nhằm mục đích thương mại đⁱ với mạch tích hợp bán d^{on} được s^{on} xu^t theo thi^t k^o b^o trí hoặc hàng hoá chứa mạch tích hợp bán d^{on} đó.

Các đⁱ tượng s^au s^e kh^{ong} đ^{eu} được b^o hộ là thi^t k^o b^o trí

- (a) Các quy định, quy trình, hệ th^{ong}, phương pháp, hoạt động theo mạch tích hợp bán d^{on};
- (b) Thông tin hoặc ph^{on} m^{am} chứa trong mạch tích hợp bán d^{on};

Nộp đơn và đăng ký thi^t k^o b^o trí

Quyⁿn nộp đơn đăng ký thi^t k^o b^o trí thuộc v^u người sáng tạo ra thi^t k^o b^o trí dựa vào chính năng lực và chi phí c^{oa} người sáng tạo. Trong trường hợp thi^t k^o b^o trí được tạo ra b^{oi} người sáng tạo trong thời gian người đó là người lao động hoặc được thuê thì người được quyⁿn nộp đăng ký thi^t k^o b^o trí s^e thuộc v^u ch^u th^u hoặc cá nhân đã đ^{uu} tư tài chính và cơ s^u vật ch^ut cho người sáng tạo trong thời gian thuê họ sáng tạo ra thi^t k^o b^o trí. Bên cạnh đó, người được quyⁿn nộp đơn đăng ký có th^u chuyⁿn nhượng quyⁿn đó cho một t^u chức hoặc cá nhân khác bằng các hợp đồng văn b^{an} hoặc thừa k^o theo pháp luật.

Quyⁿn nộp đơn đăng ký thi^t k^o b^o trí đⁱ với thi^t k^o b^o trí được sáng tạo từ ngân sách nhà nước s^e thuộc v^u nhà nước.

T^ut c^o các đơn đăng ký ph^{oi} được nộp cho Cục S^u hữu Trí tuệ (NOIP), mà s^e được giao cho cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quyⁿn hạn c^{oa} Bộ Khoa Học và Công Nghệ. Các t^u chức, cá nhân người Việt Nam, các t^u chức, cá nhân là người nước ngoài định cư tại Việt Nam hoạt động kinh doanh tại Việt Nam có th^u nộp đơn b^o hộ sáng ch^u trực ti^p hoặc thông qua một đại diện s^u hữu trí tuệ được li-xăng lên Cục s^u hữu trí tuệ. Cá nhân là người nước ngoài không định cư lâu dài tại Việt Nam

hoặc các t^o chức nước ngoài không có cơ s^o thương mại hoặc công nghiệp tại Việt Nam s^e nộp đơn xin b^o hộ sáng ch^o thông qua một đại diện s^o hữu trí tuệ đ^a được li-xăng. Đ^on tháng 7/2006 đ^a có 43 đại diện s^o hữu trí tuệ đ^a được li-xăng đ^o thực hiện tại Việt Nam l^en Cục s^o hữu trí tuệ.

N^op đ^on d^ang k^y thi^t k^o b^o trí.

M^oi đ^on ch^o có th^o đ^ang k^y cho m^ot thi^t k^o b^o trí.

Đ^on xin d^ang k^y b^o hộ thi^t k^o b^o trí s^e đ^ang x^et nghi^m h^onh th^uc trong v^ong m^ot th^{ang} k^o t^u ng^ay n^op đ^on. Sau khⁱ đ^ang ch^op nh^uen h^onh th^uc, đ^on d^ang k^y b^o hộ thi^t k^o b^o trí s^e đ^ang c^ong b^o tr^en c^ong b^{ao} S^o h^uu trí tu^e đ^o ph^on đ^oi tr^eng v^ong 3 th^{ang} theo c^ach th^uc cho p^{he}p ti^p c^an tr^ec^u ti^p v^oi NOIP m^o kh^ong c^on sao ch^ep l^ai thi^t k^o b^o trí đ^ang c^ong b^o. Gi^y ch^ung nh^uen d^ang k^y b^o hộ thi^t k^o b^o trí m^och t^{ich} h^oop b^{an} d^on s^e đ^ang c^op cho ng^uo^ri n^op đ^on n^ou nh^u kh^ong c^o s^o ph^on đ^oi n^oo tr^eng th^ori gian c^ong b^o đ^on.

Các tài li^{eu} y^eu c^u khi n^op đ^on d^ang k^y thi^t k^o b^o trí đ^oi v^oi các đ^on n^op tr^en n^urc^o cho các s^ong ch^o, xem Y^eu c^u n^op đ^on t^u Vi^et nam

Th^ori h^{an} b^o h^o

Gi^y ch^ung nh^uen d^ang k^y b^o hộ thi^t k^o b^o trí m^och t^{ich} h^oop b^{an} d^on s^e c^o hi^eu l^uc k^o t^u ng^ay c^op v^o và s^e h^ot h^{an} v^ong ng^ay s^om nh^ot nh^u sau:

- (a) Sau 10 n^{am} k^o t^u ng^ay n^op đ^on;
- (b) Sau 10 n^{am} k^o t^u ng^ay thi^t k^o b^o trí đ^ang khai th^{ac} th^ung m^oai l^un đ^ou ti^en t^uai b^ot c^ur^e n^oi n^oo b^oi ng^uo^ri c^o quy^un d^ang k^y ho^{ac} đ^ang nh^uen li-x^{ang}.
- (c) Sau 15 n^{am} k^o t^u ng^ay s^ong t^{ao} ra thi^t k^o b^o trí.

Quy^un c^oa ch^o s^o h^uu thi^t k^o b^o trí

Ch^o s^o h^uu thi^t k^o b^o trí c^o quy^un khai th^{ac} thi^t k^o b^o trí ho^{ac} ng^an ch^{en} ng^uo^ri kh^oac th^uc hi^en các quy^un sau: (i) sao

chép thiết ký bảo trí; hoặc sản xut mách tích hợp bán dòn theo thiết ký bảo trí đã được bảo hộ; (ii) phân phòi, cho thuê, quặng cáo, bán hoặc lưu trữ sản phòm sao chép thiết ký bảo trí đã được bảo hộ; (iii) nhập khẩu sản phòm sao chép thiết ký bảo trí đã được bảo hộ, mách tích hợp bán dòn được sản xut theo thiết ký bảo trí đã được bảo hộ hoặc các hàng hoá được sản xut theo mách tích hợp bán dòn đó.

Huỷ bảo và đình chỉ hiệu lực thiết ký bảo trí

Tại bot cứ thời đim nào sau khi thiết ký bảo trí đã được cốp bằng bảo hộ thì bot cứ một bên nào đú có thể nộp văn bản yêu cầu Cục sản hữu trí tuệ huỷ bảo văn bằng. Các lý do yêu cầu huỷ bảo có thể là:

1. Người nộp đơn không có để quyền để nộp đơn đăng ký thiết ký bảo trí, hoặc không được chuyển nhượng quyền đó từ người được huỷng quyền nộp đơn; hoặc
2. Thiết ký bảo trí không đáp ứng được điều kiện bảo hộ tại thời đim giy chứng nhận đăng ký bảo hộ thiết ký bảo trí.

Giy chứng nhận đăng ký bảo hộ thiết ký mách tích hợp bán dòn có thể bị huỷ bảo theo yêu cầu của bot cứ bên nào với lý do rằng (a) chỉ sản hữu nộp phí hoặc không nộp phí gia hạn theo quy định; (b) chỉ sản hữu thông báo từ chỉi hưng quyền bảo hộ thiết ký bảo trí hoặc (c) chỉ sản hữu thiết ký bảo trí không còn tồn tại và không có là người thừa ký hợp pháp.

Tên Thương Mại, Bí Mật Kinh

Doanh, Cạnh Tranh Không Lành Mạnh

5. BÍ MẬT KINH DOANH, TÊN THƯƠNG MẠI VÀ CHIẾNG CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH

Ngày 3 tháng 10 năm 2000, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 54/2000/NĐ-CP, với bùn hổ quyển sô hữu công nghiệp liên quan đón “các đai tượng khác” được qui định tại Điều 780 Bộ luật Dân sự, bao gồm: tên thương mại, bí mật thương mại, chđn địa lý, và cạnh tranh không lành mạnh. Đây là một bước phát triển mới trong việc hài hòa và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đón quyển sô hữu trí tuệ và phù hợp với các qui định cđa TRIPS và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết với Hoa Kỳ. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2000. Nghị định đã đưa ra các khái niệm vđ tên thương mại, bí mật thương mại, chđn địa lý và phạm vi bảo hộ đai với các đai tượng này. Nghị định cũng bao gồm các qui định vđ cạnh tranh không lành mạnh nhằm bảo vệ các quyển và lợi ích cđa các nhà sản xuất và kinh doanh.

Theo Nghị định, các quyển sô hữu trí tuệ công nghiệp đai với tên thương mại, bí mật thương mại, chđn địa lý sẽ được tự động xác lập mà không phải đăng ký, với điều kiện là các đai tượng này đáp ứng các điều kiện qui định trong Nghị định này.

Tuy nhiên, Luật SHTT 50/2005 ra đời trong đó không chđ quy định vđ việc bảo hộ đai với các đai tượng sô hữu như sáng chế, giải pháp hữu ích, kiđu dáng công nghiệp, quyển tác giả và quyển liên quan, và thiết kế bđ trí mạch tích hợp bán đđn, theo yêu cầu cđa Hiệp định TRIPS, Luật SHTT cũng đã đưa ra các quy định rõ ràng vđ việc bảo hộ đai với bí mật kinh doanh, chđn địa lý, tên thương mại và quyển chiến tranh không lành mạnh. Luật SHTT ra đời đã thay thế Nghị định 54/NĐ-CP và có hiệu lực ngày 01/07/2006.

5.1 Bí mật kinh doanh

Bí mật kinh doanh được định nghĩa là thông tin thu được từ hoạt động đđu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sô dụng trong kinh doanh và được bảo hộ nđu đáp ứng đđy đđ các điều kiện sau đây:

- (i) Không phải là hiđu biđt thông thường và không dễ dàng có được; và
- (ii) Khi được sô dụng trong kinh doanh sẽ tạo cho người nđm giữ bí mật kinh doanh lợi thđ so với người không nđm giữ hoặc không sô dụng bí mật kinh doanh đó; và
- (iii) Được chđ sô hữu bảo mật bằng các biện pháp cđn thiết đđ bí mật kinh doanh đó không bị bộc lộ và không dễ dàng tiếp cận được.

Theo quy định của Luật SHTT, các thông tin bí mật sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa bí mật kinh doanh:

- (i) Bí mật về nhân thân;
- (ii) Bí mật về quan lý nhà nước;
- (iii) Bí mật về quốc phòng, an ninh;
- (iv) Thông tin bí mật khác không liên quan đến kinh doanh.

Chủ sở hữu bí mật kinh doanh là tổ chức, cá nhân có được bí mật kinh doanh một cách hợp pháp và thực hiện việc bảo mật bí mật kinh doanh đó. Bí mật kinh doanh mà bên làm thuê, bên thực hiện nhiệm vụ được giao có được trong khi thực hiện công việc được thuê hoặc được giao thuộc quyền sở hữu của bên thuê hoặc bên giao việc, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác. Chủ sở hữu bí mật kinh doanh có quyền áp dụng bí mật kinh doanh để sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ, thương mại hàng hoá; và bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán, nhập khẩu sản phẩm được sản xuất do áp dụng bí mật kinh doanh. Quyền sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh sẽ phát sinh trên có thể có được một cách hợp pháp bí mật kinh doanh và thực hiện việc bảo mật bí mật kinh doanh đó. Các quyền này sẽ được bảo hộ trong suốt thời gian bí mật kinh doanh còn đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ của bí mật kinh doanh. Theo quy định của Luật SHTT, các hành vi sau đây bị coi là xâm phạm quyền đối với bí mật kinh doanh:

- (i) Tiết lộ, thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh bằng cách chéng lại các biện pháp bảo mật của người kiểm soát hợp pháp bí mật kinh doanh đó;
- (ii) Bộc lộ, sử dụng thông tin thuộc bí mật kinh doanh mà không được phép của chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó;
- (iii) Vi phạm hợp đồng bảo mật hoặc lừa gạt, xui khiến, mua chuộc, ép buộc, dụ dỗ, lợi dụng lòng tin của người có nghĩa vụ bảo mật nhằm tiếp cận, thu thập hoặc làm bộc lộ bí mật kinh doanh;
- (iv) Tiết lộ, thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh của người nộp đơn theo thỉnh tự xin cấp phép kinh doanh hoặc lưu hành sản phẩm bằng cách chéng lại các biện pháp bảo mật của cơ quan có thẩm quyền;
- (v) Tiết lộ, thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh của người nộp đơn theo thỉnh tự xin cấp phép kinh doanh hoặc lưu hành sản phẩm bằng cách chéng lại các biện pháp bảo mật của cơ quan có thẩm quyền i, ii, iii và iv nêu trên;
- (vi) Không thực hiện nghĩa vụ bảo mật.

Lưu ý cuối cùng, các giới hạn về quyền của chủ sở hữu đối với bí mật kinh doanh đã được đưa ra, trong đó, chủ sở hữu bí mật kinh doanh không có quyền cung cấp người khác thực hiện các hành vi (i) Bộc lộ, sử dụng bí mật

kinh doanh thu được khi không bít và không có nghĩa vụ phái bít bí mật kinh doanh đó do người khác thu được một cách bít hợp pháp; (ii) Bộc lộ dữ liệu bí mật nhằm bảo vệ công chúng; (iii) Sử dụng dữ liệu bí mật không nhằm mục đích thương mại; (iv) Bộc lộ, sử dụng bí mật kinh doanh được tạo ra một cách độc lập; (v) Bộc lộ, sử dụng bí mật kinh doanh được tạo ra do phân tích, đánh giá sản phẩm được phân phái hợp pháp với điều kiện người phân tích, đánh giá không có thoả thuận khác với chủ sử hữu bí mật kinh doanh hoặc người bán hàng.

Luật SHTT cũng quy định nghĩa vụ bảo mật dữ liệu thử nghiệm trong quá trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu người nộp đơn xin cấp phép kinh doanh, lưu hành được phái, nông hóa phái phái cung cấp kết quả thử nghiệm hoặc bất kỳ dữ liệu nào khác là bí mật kinh doanh, trong đó có quan có thẩm quyền cấp phép có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp cần thiết để các dữ liệu này không bị sử dụng nhằm mục đích thương mại không lành mạnh và không bị bộc lộ.

5.2 Tên thương mại

Tên thương mại là tên gọi của chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thử kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thử kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh và đáp ứng các điều kiện sau:

- (i) Chứa thành phần tên riêng, trừ trường hợp đã được bít đón rộng rãi do sử dụng
- (ii) Không trùng hoặc tương tự đón mức gây nhầm lẫn với tên thương mại mà người khác đã sử dụng trước trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh
- (iii) Không trùng hoặc tương tự đón mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác hoặc với chủ đón địa lý đã được bảo hộ trước ngày tên thương mại đó được sử dụng

Tên của cơ quan nhà nước, tước chức chính trị, tước chức chính trị - xã hội, tước chức chính trị xã hội - nghiệp, tước chức xã hội, tước chức xã hội - nghiệp hoặc chủ thử khác không liên quan đón hoạt động kinh doanh thì không được bảo hộ với danh nghĩa tên thương mại.

Chủ sử hữu tên thương mại là tước chức, cá nhân đã sử dụng hợp pháp tên thương mại đó trong quá trình kinh doanh. Chủ sử hữu tên thương mại có quyền sử dụng tên thương mại đón xưng danh trong các hoạt động kinh doanh, thay hiện tên thương mại trên các giấy tờ giao dịch, biển hiệu, sản phẩm, bao bì hàng hóa và phương tiện cung cấp dịch vụ, quang cáo.

Tên thương mại được bảo hộ khi chủ sử hữu tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của mình dưới tên thương mại đó.

Luật SHTT cũng quy định hành vi sử dụng chung dồn thương mại trùng hoặc tương tự với tên thương mại của người khác đã được sử dụng trước cho cùng loại sản phẩm, dịch vụ hoặc cho sản phẩm, dịch vụ tương tự, gây nhầm lẫn về chung thay kinh doanh, cơ sở kinh doanh, hoạt động kinh doanh dưới tên thương mại đó đều bị coi là xâm phạm quyền riêng với tên thương mại. Chung sử hữu tên thương mại theo đó có quyền yêu cầu bên vi phạm chung dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cung chính công khai và bồi thường thiệt hại, và/hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm, hoặc kiện ra tòa án hoặc có quan trọng tài để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

5.3 Chung cạnh tranh không lành mạnh

Cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sự hữu trí tuệ được định nghĩa theo Luật SHTT là các hành vi sau đây

- (i) Sử dụng chung dồn thương mại gây nhầm lẫn về chung thay kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hóa, dịch vụ.
- (ii) Sử dụng chung dồn thương mại gây nhầm lẫn về xuất xứ, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc đặc điểm khác của hàng hóa, dịch vụ; về điều kiện cung cấp hàng hóa, dịch vụ;
- (iii) Sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ tại một nước là thành viên của điều ước quốc tế có quy định cung người đại diện hoặc đại lý của chung sử hữu nhãn hiệu sử dụng nhãn hiệu đó mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng là thành viên, nếu người sử dụng là người đại diện hoặc đại lý của chung sử hữu nhãn hiệu và việc sử dụng đó không được sự đồng ý của chung sử hữu nhãn hiệu và không có lý do chính đáng;
- (iv) Đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chung dồn địa lý mà mình không có quyền sử dụng nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chung dồn địa lý tương ứng

Ngoài Luật SHTT, Luật cạnh tranh cũng quy định các hành vi sau đây được coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh:

- (i) Chung dồn gây nhầm lẫn;
 - (ii) Xâm phạm bí mật kinh doanh;
 - (iii) Ép buộc kinh doanh;
 - (iv) Gièm pha doanh nghiệp khác;
 - (v) Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác;
 - (vi) Quang cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh;
 - (vii) Khuyễn mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh;
 - (viii) Phân biệt đối xử của hiệp hội;
 - (ix) Bán hàng đa cấp bất chính;
 - (x) Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác do Chính phủ quy định.
- Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp dân sự và các biện pháp hành chính theo quy định của pháp luật về cạnh tranh đối với các chung thay vi phạm.

Bộn Quyền

6.1 Tác giả và chung sáu hữu quyền tác giả

Bảo hộ quyền tác giả được trao cho tác giả, người trực tiếp sáng tạo ra toàn bộ hoặc một phần tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học và người sáng tạo ra tác phẩm phái sinh từ các tác phẩm của người khác, bao gồm các tác phẩm được dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, hoặc tuy chọn.

Ngoài tác giả của tác phẩm, chung sáu hữu hợp pháp của tác phẩm cũng được bảo hộ quyền tác giả. Chung sáu hữu tác phẩm có thể là một trong những người sau đây:

- (1) Tác giả hoặc đồng tác giả của tác phẩm;
- (2) Cơ quan hoặc tổ chức giao nhiệm vụ cho tác giả hoặc giao kết hợp đồng sáng tạo với tác giả;
- (3) Người thừa kế của tác giả; hoặc
- (4) Người được chuyển giao quyền sử hữu tác phẩm từ chung sáu hữu tác phẩm; hoặc
- (5) Nhà nước Việt Nam, trong một số trường hợp nhất định.

Theo quy định của Luật SHTT Việt Nam, tác giả và chung sáu hữu quyền tác giả được định nghĩa là (i) Tổ chức và cá nhân Việt Nam có tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả; (ii) Tổ chức và cá nhân nước ngoài có tác phẩm được sáng tạo và thay hiện dưới hình thức vật chất nhất định tại Việt Nam; (iii) Tổ chức và cá nhân nước ngoài có tác phẩm được công bố lần đầu tiên tại Việt Nam; và (iv) Tổ chức và cá nhân nước ngoài có tác phẩm được bảo hộ tại Việt Nam theo Điều ước Quốc tế về quyền tác giả mà Việt Nam là thành viên.

6.2 Các tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả

Bảo hộ quyền tác giả được trao cho các tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học thuộc bất kỳ hình thức sau đây:

- (1) Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác;
- (2) Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác;
- (3) Tác phẩm báo chí;
- (4) Tác phẩm âm nhạc;
- (8) Tác phẩm sân khấu;
- (9) Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự;
- (10) Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng;
- (11) Tác phẩm nhiếp ảnh;
- (12) Tác phẩm kiến trúc;
- (13) Bản họa đính, sơ đính, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học;
- (14) Tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian;
- (15) Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu;
- (16) Tác phẩm phái sinh.

Để đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ, một tác phẩm phải là nguyên gốc. Các quy định hiện hành liên quan đến bảo hộ quyền tác giả tuyên bố bảo hộ quyền tác giả đính với các tác phẩm kể từ thời điểm tác phẩm được sáng tạo dưới một hình thức vật chất nhất định mà không cần phải công bố hay đăng ký. Việc bảo hộ như vậy đính với tác phẩm bất kể tác phẩm được tạo ra dưới hình thức thể hiện nào và chất lượng ra sao.

Tác phẩm phái sinh chỉ được bảo hộ nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đính với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh.

6.3 Các tác phẩm không được bảo hộ quyền tác giả

Pháp luật hiện hành từ chối bảo hộ đính với những tác phẩm thuộc hình thức sau đây:

- (1) Tin tức thời sự thuần túý đưa tin;

- (2) Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính, văn bản khác thuộc lĩnh vực tư pháp và bản dịch chính thức của văn bản đó;
- (3) Quy trình, hệ thống, phương pháp hoạt động, khái niệm, nguyên lý, số liệu.

6.4 Quyền nhân thân và quyền tài sản của chung số hữu tác phẩm và/hoặc Tác giả

Tác giả và/hoặc chung số hữu tác phẩm có những quyền tài sản và quyền nhân thân nhất định, tùy từng trường hợp cụ thể.

Quyền nhân thân bao gồm:

- (1) quyền đặt tên cho tác phẩm;
- (2) quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, phổ biến, sử dụng;
- (3) công bố hoặc cho người khác công bố tác phẩm của mình;
- (4) bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm, cho phép hoặc không cho phép người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

Quyền tài sản bao gồm:

- (1) làm tác phẩm phái sinh;
- (2) biếu tặng tác phẩm trước công chúng;
- (3) sao chép tác phẩm;
- (4) phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm;
- (5) truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác;
- (6) cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện tử, chương trình máy tính.

Tổ chức, cá nhân muốn khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản nêu trên hoặc công bố tác phẩm phái sinh phép chung số hữu quyền tác giả và truyền nhuận bút, thù lao

và các quyển lợi vật chót khác.

6.5 Sử dụng hợp lý

Một cá nhân hoặc tổ chức có thể sử dụng tác phẩm đã công bố “không vì mục đích thương mại” mà không cần sự cho phép của tác giả và không phải trả tiền bản quyền với điều kiện việc sử dụng đó không làm ảnh hưởng bất lợi tới việc khai thác bình thường của tác phẩm và không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chỉ sử hữu quyền tác giả đối với tác phẩm. Tuy nhiên, tên của tác giả, nguồn gốc và xuất xứ của tác phẩm phải được nhắc đến.

“Không vì mục đích thương mại” được định nghĩa là những hành vi sau đây:

- (1) Tự sao chép một bản nhầm mục đích nghiên cứu khoa học, giáo dục của cá nhân;
- (2) Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai lạc ý của tác giả đối với bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình;
- (3) Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai lạc ý của tác giả đối với báo, đài dùng trong bản phim định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyen hình, phim tài liệu;
- (4) Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai lạc ý của tác giả đối với giảng dạy trong nhà trường, không nhầm mục đích thương mại;
- (5) Sao lại tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu;
- (6) Biểu diễn các tác phẩm sân khấu và các loại hình biểu diễn nghệ thuật khác trong các buổi sinh hoạt văn hóa, tuyên truyền có động không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào;
- (7) Ghi âm, ghi hình trực tiếp các buổi biểu diễn với tính chất đưa tin thời sự hoặc để giảng dạy;
- (8) Chụp ảnh, truyen hình tác phẩm tạo hình, kiến trúc, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng trưng bày ở nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của các tác phẩm đó;
- (9) Chuyển tác phẩm sang chữ nho hoặc ngôn ngữ khác cho người khiêm thị;
- (10) Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng.

Tuy nhiên, những hành vi như sử dụng tác phẩm kiến trúc, tác phẩm tạo hình và chương trình máy tính sẽ không được coi là các hành vi sử dụng không vì mục đích thương mại.

6.6 Thời hạn bảo hộ

Nói chung, quyền tác giả được bảo hộ suốt đời tác giả cộng thêm 50 năm sau khi tác giả qua đời. Một số quyền nhân thân (ví dụ như quyền đặt tên cho tác phẩm, quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, và quyền bảo hộ sự toàn vẹn của tác phẩm) được kéo dài vô thời hạn.

Đối với tác phẩm điện tử, tác phẩm phát thanh, truyền hình, vi-đi-ô, tác phẩm di cảo, thì các quyền tác giả sẽ được bảo hộ trong thời hạn 50 năm, kể từ ngày tác phẩm được công bố lần đầu tiên.

6.7 Đăng ký quyền tác giả

Mặc dù việc bảo hộ đối với tác phẩm không yêu cầu tác phẩm phải được đăng ký, tuy nhiên việc đăng ký tác phẩm sẽ đưa ra chứng cứ về quyền tác giả hoặc quyền sở hữu tác phẩm. Để đăng ký một tác phẩm, tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả phải nộp đơn đăng ký lên Cục Bản quyền tại Hà Nội. Đơn đăng ký phải tuân theo hình thức do Bộ Văn hóa Thông tin quy định và có kèm theo giấy tờ chứng minh quyền tác giả/quyền sở hữu tác phẩm, và phải nộp phí đăng ký. Trong trường hợp Cục Bản quyền chấp thuận đơn đăng ký thì tổ chức hoặc cá nhân sở hữu giấy chứng nhận đăng ký tác phẩm sẽ đương nhiên được coi là chủ sở hữu hợp pháp đối với tác phẩm trong trường hợp có tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu tác phẩm.

6.8 Chuyển nhượng Quyền tác giả và Chuyển Quyền sử dụng tác phẩm

Tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm có quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần quyền tài sản và quyền công bố tác phẩm, hoặc cho phép người khác sử dụng các quyền đối với tác phẩm này dưới hình thức văn bản, hoặc chuyển quyền sử dụng cho người khác để sử dụng quyền tác giả hoặc quyền liên quan. Bên nhận

chuy n quy n s  dụng đ i với quy n t c gi  hoặc quy n li n quan đ i với t c ph m c  th  chuy n giao lại các quy n s  dụng đ i với t c ph m n y với điều ki n c  s  đ ng y c a t c gi  (hoặc c a ch  s  h u t c ph m).

Trong trường hợp t c ph m, cuộc bi u di n, b n ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có đ ng ch  s  h u thi việc chuy n nhượng hoặc chuy n quy n s  dụng ph i c  s  tho  thuận c a t t c  các đ ng ch  s  h u. N u c  đ ng ch  s  h u nhưng t c ph m, cuộc bi u di n, b n ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có các ph n riêng biệt c  th  t ch ra s  dụng độc lập thi ch  s  h u quy n t c gi , ch  s  h u quy n li n quan c  quy n chuy n quy n s  dụng hoặc chuy n nhượng quy n t c gi , quy n li n quan đ i với ph n riêng biệt c a m nh cho t ch c, c  nh n kh c.

6.9 Hợp đ ng Chuy n nhượng và S  dụng T c ph m đ ng b o hộ quy n t c gi 

Hợp đ ng chuy n nhượng hoặc chuy n quy n s  dụng t c ph m ph i đ ng được lập thành văn b n và ph i bao g m nh ng nội dung ch  y u sau: T n và địa ch  đ y đ  c a B n chuy n nhượng/B n đ ng chuy n nhượng và B n chuy n quy n/B n đ ng chuy n quy n; C n cứ chuy n nhượng; Giá, phương thức thanh toán; Quy n và nghĩa vụ c a c c b n; Tr ch nhiệm do vi phạm hợp đ ng. Nh ng hợp đ ng n y kh ng c n ph i qua th  tục đăng ký mới phát sinh hiệu lực pháp l y. Tuy nhiên, m t đ m đ ng lưu ý l a quy n nh n th n kh ng l a đ i tượng c a vi c chuy n nhượng/chuy n quy n s  dụng t c ph m, trừ quy n công b n t c ph m.

6.10 H nh vi vi phạm quy n t c gi  và Thực thi quy n t c gi 

T c gi  hoặc ch  s  h u t c ph m c  quy n y u c u b o hộ đ i với b t k y h nh v i n o dưới đây đ ng thực hiện m t kh ng c  s  cho phép c a m nh:

- (i) Chi m đoạt quy n c a ng r i bi u di n, nh a s n xu t b n ghi âm, ghi hình, t ch c phát sóng;
- (ii) M o danh ng r i bi u di n, nh a s n xu t b n ghi âm, ghi

hình, to chức phát sóng.

(iii) Công bo, son xuot và phân phoi cuộc bieu dien đã được định hình, bon ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà không được phép ca người bieu dien, nhà son xuot bon ghi âm, ghi hình, to chức phát sóng.

(iv) Soa chữa, cot xén, xuyên tạc dưới bot kỳ hình thức nào đoi với cuộc bieu dien gây phương hại đon danh dự và uy tín ca người bieu dien.

(v) Sao chép, trích ghép đoi với cuộc bieu dien đã được định hình, bon ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà không được phép ca người bieu dien, nhà son xuot bon ghi âm, ghi hình, to chức phát sóng.

(vi) Dor bo hoặc thay đoi thông tin quon lý quyon dưới hình thức điện to mà không được phép ca cho so hữu quyon liên quan.

(vii) Co ý huo bo hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do cho so hữu quyon liên quan thực hiện đo boo vệ quyon liên quan ca mình.

(viii) Phát sóng, phân phoi, nhập khuu đo phân phoi đon công chúng cuộc bieu dien, bon sao cuộc bieu dien đã được định hình hoặc bon ghi âm, ghi hình khi biet hoặc có cơ so đo biet thông tin quon lý quyon dưới hình thức điện to đã bị dor bo hoặc đã bị thay đoi mà không được phép ca cho so hữu quyon liên quan.

(ix) Son xuot, lop ráp, bien đoi, phân phoi, nhập khuu, xuot khuu, bán hoặc cho thuê thiet bị khi biet hoặc có cơ so đo biet thiet bị đó gioi ma trái phép một tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá.

(x) Co ý thu hoặc tiop tục phân phoi một tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá khi tín hiệu đã được gioi ma mà không được phép ca người phân phoi hợp pháp.

Trong trường hợp quyon tác gio bị vi phạm, tác gio hoặc cho so hữu tác phom có quyon thực hiện các biện pháp sau đây đo boo vo quyon tác gio ca mình:

(i) áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyon so hữu trí tuệ;

(ii) Yêu cuu to chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyon so hữu

- trí tuệ ph^ói ch^óm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, c^ói chính công khai, b^ói thường thiệt hại;
- (iii) Yêu c^óu cơ quan nhà nước có th^óm quy^{én} x^ó lý hành vi xâm phạm quy^{én} s^ó hữu trí tuệ theo quy định c^óa Luật này và các quy định khác c^óa pháp luật có liên quan;
 - (iv) Kh^ói kiện ra tòa án hoặc trọng tài đ^ó b^óo vệ quy^{én}, lợi ích hợp pháp c^óa mìn.

6.11 B^óo hộ quy^{én} tác gi^ó đối với các tác ph^óm nước ngoài

6.11.1 Công ước qu^óc t^ó và điều ước qu^óc t^ó

Đ^ón nay, Việt Nam đã là thành viên c^óa các công ước qu^óc t^ó sau đây v^à b^óo hộ quy^{én} tác gi^ó:

- (i) Công ước Berne v^à b^óo hộ tác ph^óm Văn học Nghệ thuật;
- (ii) Công ước Brussels liên quan đ^ón việc phân ph^ói tín hiệu mang chương trình truy^{én} qua vệ tinh;
- (iii) Công ước Gêna^{va} b^óo hộ nhà s^{ón} xuất b^{ón} ghi âm ch^{óng} việc sao ch^óp không được phép b^{ón} ghi âm c^óa họ;
- (iv) Công ước Rome b^óo hộ người bi^{ểu} di^{ễn}, nhà s^{ón} xuất b^{ón} ghi âm, t^ó chức phát sóng;
- (v) Th^úo thuận TRIPS v^à những khía cạnh liên quan tới thương mại c^óa quy^{én} s^ó hữu trí tuệ.

Theo đó, tác ph^óm c^óa th^ó nhân và pháp nhân nước ngoài sẽ được b^óo hộ tại Việt Nam n^óu thuộc một trong các trường hợp sau:

- (i) Tác ph^óm được công b^ó l^{ón} đ^óu tiên tại Việt Nam mà chưa được công b^ó t^ob^ót kỳ nước nào hoặc được công b^ó đ^{óng} thời tại Việt Nam trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày tác ph^óm đó được công b^ó l^{ón} đ^óu tiên t^o nước khác;
- (ii) Tác ph^óm được sáng tạo và th^ó hiện dưới hình thức vật ch^ót nh^ót định tại Việt Nam;
- (iii) Tác ph^óm được b^óo hộ tại Việt Nam theo điều ước qu^óc t^ó v^à quy^{én} tác gi^ó mà Cộng hoà xã hội ch^ónghĩa Việt Nam là thành viên.

6.11.2 Hiệp định v^à quy^{én} tác gi^ó Việt – Mỹ

Ngày 27 tháng 6 năm 1997, Việt Nam và Hoa Kỳ đã ký một Hiệp định song phương về bảo hộ quyền tác giả (Hiệp định). Hiệp định này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 1998 với những trao đổi ngoại giao đáng chú ý giữa hai bên. Hiệp định đã tạo cơ sở pháp lý cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm của Hoa Kỳ tiến hành các hành vi pháp lý chung lại các hành vi sao chép bắt hợp pháp các tác phẩm của mình v Việt Nam. Tác giả và chủ sở hữu tác phẩm Việt Nam cũng có các quyền tương tự v Hoa Kỳ.

Hiệp định bảo hộ đối với: (i) các tác phẩm được bảo hộ hoặc v Việt Nam hoặc v Hoa Kỳ; (ii) các tác phẩm lên đầu tiên được công bố hoặc v Việt Nam hoặc v Hoa Kỳ; và (iii) các tác phẩm được công bố lên đầu tiên v một trong các nước thành viên của Hiệp định song phương về quyền tác giả mà Việt Nam hoặc Hoa Kỳ là thành viên, minn là chủ sở hữu quyền tác giả của các tác phẩm này yêu cầu Chính phủ Việt Nam hoặc Hoa Kỳ bảo hộ các tác phẩm của mình trong vòng 1 năm kể từ ngày tác phẩm được công bố lên đầu tiên.

Hiệp định cũng quy định rằng tác phẩm của Hoa Kỳ hoặc Việt Nam lên đầu tiên được công bố v Việt Nam hoặc Hoa Kỳ, trước khi Hiệp định này có hiệu lực, cũng được bảo hộ quyền tác giả, minn là những tác phẩm này chưa trở thành tài sản công cộng. Tuy nhiên, bắt kỳ một hành vi vi phạm quyền tác giả nào được thực hiện trước ngày Hiệp định này có hiệu lực thì không bị coi là hành vi vi phạm quyền tác giả.

Hiệp định cũng đưa ra những yêu cầu cụ thể đối với các bên, thông qua hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia, trong việc thực thi quyền tác giả trong phạm vi lãnh thể của mình bằng cách:

- (1) ban hành các biện pháp xử lý mang tính bước đẩu và lâu dài trong phạm vi thể tục dân sự lệnh đình chủ tạm thời, lệnh đình chủ vô thời hạn, việc bồi thường thiệt hại, tịch thu và tiêu huỷ hàng vi phạm, vật liệu và máy móc được sử dụng để tạo ra chúng;
- (2) ban hành các quy định về thể tục hình sự và các biện pháp trừng phạt nhằm ngăn chặn người vi phạm quyền tác giả khói

việc sao chép quyển tác giả vì mục đích thương mại, bao gồm việc áp dụng các biện pháp xâm phạm và phạt tù thích đáng nhằm ngăn chặn, tịch thu và tiêu huỷ hàng vi phạm, vật liệu và máy móc được dùng để tạo ra chúng; và

(3) ban hành các biện pháp thực thi quyển có hiệu quả tại vùng biên giới của mình, đưa ra quy định về tịch thu và tiêu huỷ hàng hoá vi phạm đang trong quá trình quá cảnh hoặc chuẩn bị xuất khẩu hoặc nhập khẩu.

Với những biện pháp thực thi quyển như trên, Hiệp định này đã đem lại cho chủ sở hữu quyển tác giả Hoa Kỳ mức độ bảo hộ quyển tác giả cao hơn so với chủ sở hữu quyển tác giả Việt Nam theo pháp luật Việt Nam.

6.11.3 Hiệp định Thương mại Việt – Mỹ (BTA)

Sau Hiệp định song phương về bảo hộ quyển tác giả, Việt Nam và Hoa Kỳ đã ký kết một Hiệp định song phương về quan hệ thương mại giữa hai nước (BTA), đánh dấu một bước phát triển mới trong quan hệ kinh tế-thương mại song phương giữa hai nước. Việc ký kết Hiệp định BTA tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập vào kinh tế khu vực và toàn cầu, và được coi là một bước tiến lớn của Việt Nam nhằm gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Hiệp định này được ký kết ngày 13 tháng 7 năm 2000 và có hiệu lực vào ngày 10 tháng 11 năm 2001.

Hiệp định có một chương về sở hữu trí tuệ trong đó ghi nhận các điều khoản về quyển tác giả và các quyển liên quan, với những quy định khá toàn diện và đầy đủ trong lĩnh vực quyển tác giả và dựa trên cơ sở Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật. Cụ thể:

- (1) Đưa ra định nghĩa cụ thể về tác phẩm được bảo hộ, theo đó Việt Nam và Hoa Kỳ sẽ bảo hộ mọi tác phẩm có sự thể hiện nguyên gốc theo định nghĩa quy định tại Công ước Berne;
- (2) Bổ sung quyển đai với tác phẩm cho người được hưởng quyền tác giả, cụ thể là tác giả hoặc người được thừa kế quyền tác giả có quyền cho phép hoặc cung:

- Nhập khu bn sao tc phm vo lanh thu nurc minh;
- Phan phi cng khai lon du bn gc va mi bn sao tc phm duri hnh thrc ban, cho thue hoc các hnh thrc khac;
- Truyung đat tc phm tri cng chung; va
- Cho thue bn gc hoc bn sao chuong trinh may tnh nham muc dich thurg mai.

(3) Quy đinh vo thời hạn bo hộ đi vo tc phm (trong trường hợp khng can cu theo đời ngori) là khng ít hng 75 nam ku tu khit thuc nam lich ma tc phm đung cng bo hợp php lon du tien, hoc khng ít hng 100 nam ku tu khit thuc nam lich ma tc phm đung tao ra (trong trường hợp tc phm khng đung cng bo hợp php trong vong 25 nam ku tu khit tc phm đung tao ra).

(4) Quy đinh cụ thu vo von du thực thi quyun tc gio theo các thu tục va chu tài trong tung dan su va hành chinh, các thu tục tung hinh su va hinh phat cng như áp dụng các biện php tạm thời đu ngăn chan hành vi xâm phạm quyun tc gio, thực thi quyun tc gio tại biên giới va hợp tc kỹ thuật đu tăng cường chu độ bo hộ va thực thi quyun tc gio.

Trong trường hợp có xung đot giua các quy đinh cua BTA va Hiệp đinh song phương vo quyun tc gio, thì các quy đinh cua BTA đung ưu tien áp dụng.

Voi sự ra đời cua Hiệp đinh BTA cùng các điều khongn vo quyun tc gio va các quyun lien quan, hoạt động bo hộ va thực thi quyun tc gio vo Việt Nam sẽ đung tang cng và điều nay là phù hợp vo xu hướng quoc tu.

6.11.4 Bn ghi nho

Ngoài các công ước quoc tu va hiệp đinh song phương vo bo hộ quyun tc gio nêu trên, Việt Nam cũng đã ký kut mot so Bn ghi nho sau đây voi các quoc gia vo von du bo hộ quyun tc gio:

(i) Bn ghi nho giua Cuc So huu Trí tue Vương quoc Thai Lan va Cuc bn quyun Việt Nam vo hợp tc trong linh vuc quyun tc gio va quyun lien quan;

(ii) Bên ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực quyển tác giả và quyển liên quan giữa Cục bản quyền Tác giả Việt Nam và Cục bản quyền quốc gia nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa;

(iii) Bên ghi nhớ giữa Cục Sở hữu Vượng quốc Thái Lan và các cơ quan liên quan của Việt Nam về hợp tác thúc đẩy và bảo hộ sở hữu trí tuệ.

Li-xăng & Chuyển Nhượng

7.1 Tổng quan

Theo quy định pháp luật hiện hành, việc lixăng đai tương sỗ hữu công nghiệp phải tuân thủ những điều kiện nhất định. Trước hết, đai cấp lixăng một đai tương sỗ hữu công nghiệp tại Việt Nam, đai tương đó phải đã được bảo hộ tại Việt Nam, nói cách khác, đai tương đó phải đã được cấp bằng độc quyền hay giấy chứng nhận đăng ký. Không thể cấp lixăng đai với các đai tương sỗ hữu công nghiệp chưa được đăng ký tại Việt Nam.

Phạm vi của việc chuyển nhượng/lixăng không rộng hơn phạm vi bảo hộ nêu tại bằng độc quyền hoặc giấy chứng nhận đăng ký tương ứng. Ví dụ, đai với nhãn hiệu, bên chuyển nhượng chẵn có thể chuyển nhượng quyền được nêu trong giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, điều này có nghĩa là việc chuyển nhượng chẵn được áp dụng cho nhãn hiệu, hàng hóa/dịch vụ được bảo hộ theo giấy chứng nhận có hiệu lực tại thời điểm chuyển nhượng.

Bên chuyển nhượng hoặc bên giao lixăng phải đảm bảo rằng bên này là chẵn sỗ hữu đã được đăng ký trước đai tương được chuyển nhượng hoặc lixăng và rằng việc chuyển nhượng hoặc lixăng không dẫn tới các tranh chấp với bên thứ ba. Nếu tranh chấp phát sinh từ việc chuyển nhượng hoặc lixăng đai tương sỗ hữu công nghiệp, bên chuyển nhượng hoặc bên giao lixăng có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp này.

Cụ thể, đai với chẵn dẫn địa lý, cần lưu ý rằng quyền đai với

chỗ dồn địa lý không thể được chuyển nhượng hoặc lixăng. Hơn nữa, việc chuyển nhượng nhãn hiệu không được gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về đặc tính hay nguồn gốc của hàng hóa và/hoặc dịch vụ mang nhãn hiệu.

7.2 Hợp đồng Chuyển nhượng và Lixăng

Hợp đồng chuyển nhượng và lixăng đối tượng số hữu công nghiệp phải được lập thành văn bản, và phải bao gồm những điều khoản tinh thiều theo quy định pháp luật. Hợp đồng bằng lời nói, thư hoặc thư tín không được chấp nhận và không có hiệu lực pháp lý. Nếu việc chuyển nhượng hoặc lixăng đối tượng số hữu công nghiệp nằm trong một hợp đồng khác (như hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng dịch vụ v.v.), thì trên thực tế cho mục đích đăng ký, các hợp đồng này phải được lập thành một phần riêng biệt.

Hợp đồng chuyển nhượng hoặc lixăng phải bao gồm các nội dung sau:

- (i) Tên và địa chỉ của các bên (bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng, bên giao lixăng và bên nhận lixăng)
- (ii) Căn cứ chuyển nhượng/lixăng (tức việc chuyển nhượng/lixăng được thực hiện đối với bằng độc quyền hay giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp, hoặc trên cơ sở lixăng trên thứ cấp đã cấp cho bên giao lixăng);
- (iii) Đối tượng số hữu công nghiệp được chuyển nhượng, hoặc trong trường hợp lixăng, phạm vi lixăng được cấp, bao gồm: hình thức lixăng (độc quyền hay không độc quyền), lãnh thổ lixăng, thời hạn lixăng;
- (iv) Giá chuyển nhượng hoặc phí bùn quyền cho việc lixăng (việc chuyển nhượng hoặc cấp lixăng miễn phí cũng phải nêu rõ trong hợp đồng);
- (v) Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- (vi) Điều kiện sao đổi và chấm dứt hợp đồng;
- (vii) Giải quyết tranh chấp;
- (viii) Thời điểm và địa điểm ký hợp đồng;
- (ix) Chữ ký của các bên.

Pháp luật hiện hành quy định Hợp đồng lixăng không được có các điều khoản hạn chế bất hợp lý quy định của bên nhận lixăng, đặc biệt là các điều khoản không xuất phát từ quy định của bên giao lixăng sau đây:

- (i) Cốm bên nhận lixăng cung cấp tiền đái tượng số hữu công nghiệp, trừ nhãn hiệu; buộc bên nhận lixăng phải chuyển giao miễn phí cho bên giao lixăng các cung cấp tiền đái tượng số hữu công nghiệp do bên nhận lixăng tạo ra hoặc quy định đăng ký số hữu công nghiệp, quy định số hữu công nghiệp đái với các cung cấp tiền đó;
- (ii) Trực tiếp hoặc gián tiếp hạn chế bên nhận lixăng xuất khulu hàng hóa, dịch vụ được sản xuất hoặc cung cấp theo hợp đồng lixăng sang các vùng lãnh thổ không phải là nơi mà bên giao lixăng norm giữ quy định số hữu công nghiệp tương ứng hoặc có độc quyền nhập khulu hàng hóa đó;
- (iii) Buộc bên nhận lixăng phải mua toàn bộ hoặc một phần lệ nhút định các nguyên liệu, linh kiện hoặc thiết bị của bên giao lixăng hoặc của bên thứ ba do bên giao lixăng chỉ định mà không nhằm mục đích bao đảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ do bên nhận lixăng sản xuất hoặc cung cấp; and
- (iv) Cốm bên nhận lixăng khiếu kiện về hiệu lực của quy định số hữu công nghiệp hoặc quy định chuyển giao của bên giao lixăng.

7.3 Đăng ký Hợp đồng Chuyển nhượng/Lixăng

Việc đăng ký hợp đồng chuyển nhượng với Cục SHTT là bắt buộc theo luật định để việc chuyển nhượng có hiệu lực pháp lý và có khả năng thực thi tại Việt Nam. Hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực từ thời điểm được đăng ký với Cục SHTT.

Liên quan tới việc đăng ký hợp đồng lixăng, quy định của pháp luật Việt Nam hiện đang gây tranh cãi. Theo đó, hợp đồng lixăng có hiệu lực theo thỏa thuận giữa các bên, nhưng chả có giá trị pháp lý đái với bên thứ ba khi đã được đăng ký tại Cục SHTT. Do tới nay, không có một quy định cụ thể nào về khái niệm “bên thứ ba”, Vision & Associates khuyên nghị cá bên đăng ký hợp đồng lixăng nhằm đảm bảo khả năng thực hiện và thực thi của hợp đồng lixăng.

Đối với việc đăng ký hợp đồng chuyen nhượng/lixăng, Cục SHTT là cơ quan nhận đơn và trên thực tế cũng là cơ quan xem xét cấp đăng ký cho các hợp đồng này.

Liên quan tươi các tài liệu cần thiết cho việc nộp đơn đăng ký hợp đồng chuyen nhượng/lixăng tại Cục SHTT, đợt nghị xem phàn Yêu cầu Nộp đơn tại Việt Nam.

Cục SHTT sẽ xem xét đơn và ra quyết định đăng ký hoặc từ chối đăng ký hợp đồng trong vòng 2 tháng kể từ ngày nộp đơn.

7.4 Phí bùn quyền và Thu

Phí bùn quyền hoặc giá chuyen nhượng được xác định theo thỏa thuận giữa các bên.

Việc chuyen nhượng/lixăng đối tượng sở hữu công nghiệp tại Việt Nam phải chịu mức thuế là 10% phí bùn quyền, theo Thông tư 134/2008/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam